Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8477.10.31

Mã HS	8477.10.31
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic hoặc dùng trong việc sản xuất các sản phẩm từ những vật liệu trên, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Máy đúc phun: / - - Để đúc plastic: / - - - Máy đúc phun sản phẩm poly(vinyl chloride) (PVC)
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	12/11/2026 05:22:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84771031/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14422
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14422
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14422
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13770
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13711
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13711
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13711
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13711
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13711
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13711
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13765
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13765
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13765

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13765
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13765
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13765
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13766
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13766
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13766
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13766
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13766
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13766
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13769
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13717
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13725
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13725
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13725
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13725
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13725
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13725
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13756
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13756
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13756
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13756
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13756
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13756
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13805
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13805
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13805

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13805
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13805
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13805
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13788
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13788
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13788
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13788
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13788
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13788
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13788
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13788
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13788
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13788
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13788
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13788
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13803
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13803
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13803
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13803
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13803
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13803
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13802
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13802
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13802
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13802
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13802

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13802
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13782
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13782
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13782
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13782
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13782
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13782
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13782
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13790
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13790
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13790
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13790
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13790
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13790
RCEP B	2022	2022	0	B!D13790
RCEP B	2023	2023	0	B!E13790
RCEP B	2024	2024	0	B!F13790
RCEP B	2025	2025	0	B!G13790
RCEP B	2026	2026	0	B!H13790
RCEP B	2027	2027	0	B!I13790
RCEP C	2022	2022	0	C!D13790
RCEP C	2023	2023	0	C!E13790
RCEP C	2024	2024	0	C!F13790
RCEP C	2025	2025	0	C!G13790
RCEP C	2026	2026	0	C!H13790
RCEP C	2027	2027	0	C!I13790

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13789
RCEP D	2023	2023	0	D!E13789
RCEP D	2024	2024	0	D!F13789
RCEP D	2025	2025	0	D!G13789
RCEP D	2026	2026	0	D!H13789
RCEP D	2027	2027	0	D!I13789
RCEP E	2022	2022	0	E!D13793
RCEP E	2023	2023	0	E!E13793
RCEP E	2024	2024	0	E!F13793
RCEP E	2025	2025	0	E!G13793
RCEP E	2026	2026	0	E!H13793
RCEP E	2027	2027	0	E!I13793
RCEP F	2022	2022	0	F!D13790
RCEP F	2023	2023	0	F!E13790
RCEP F	2024	2024	0	F!F13790
RCEP F	2025	2025	0	F!G13790
RCEP F	2026	2026	0	F!H13790
RCEP F	2027	2027	0	F!I13790
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12801
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12801
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12801
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12801

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8477.10 có 3 dòng thuế; dòng 8477.10.31 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy đúc phun sản phẩm poly(vinyl chloride) (PVC).	8477.10.10 Để đúc cao su; 8477.10.39 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8477.10.31. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8477.10.31 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14422), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.